TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-03-2026
V/v ***"Ly hôn"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chín- là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6-Quảng Ngãi.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc *"Ly hôn"***,** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số …/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn là ông Phạm Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 16/7/2020. Sau khi kết hôn, đời sống chung thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không thống nhất được các vấn đề trong cuộc sống. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về thủ tục tố tụng: Do điều kiện sức khỏe và đường xá xa xôi, anh V đề nghị Tòa án không mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải và xin được xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là bà Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Xác nhận thời gian và địa điểm kết hôn đúng như ông V trình bày. Bà thừa nhận quá trình chung sống có mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn. Đối với yêu cầu ly hôn của ông V, bà H hoàn toàn đồng ý.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Xác nhận vợ chồng không có con chung, không có nợ chung và không có tài sản chung; thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thủ tục tố tụng: Do điều kiện sức khỏe và đường xá xa xôi, bà H đề nghị Tòa án không mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải và xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn"*, thuộc loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Phạm Thị H có nơi cư trú tại xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đồng thời lập Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự, thủ tục tố tụng được bảo đảm đúng quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, các bên phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai đều xác định tình cảm không còn và đều đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] **Về con chung:** Các đương sự xác nhận không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Phạm Văn V được ly hôn bà Phạm Thị H.

2. Về con chung: Ghi nhận ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị H không có con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận các đương sự không có nợ chung.

5. Về án phí: Ông Phạm Văn V phải chịu 300.000[đ] (*Ba trăm ngàn đồng*) đồng

án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000406 ngày 27/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (anh V đã nộp đủ).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- UBND Ba Tô, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Ngoan